

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách
Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 4975/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020, với tổng số vốn đầu tư là 71,582 tỷ đồng (Bảy mươi một tỷ năm trăm tám mươi hai triệu đồng), bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách: 19,582 tỷ đồng (Mười chín tỷ năm trăm tám mươi hai triệu đồng)

- Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 52 tỷ đồng (Năm mươi hai tỷ đồng).

(Đính kèm kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre khóa XI, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh Bến Tre;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp Bến Tre (để kiểm tra);
- ĐB HĐND tỉnh đơn vị TPBT;
- TT. Thành uỷ Bến Tre;
- BTT.UBMTTQ Việt Nam thành phố Bến Tre;
- UBND thành phố Bến Tre;
- Phòng, ban thành phố Bến Tre;
- Đài truyền thanh thành phố Bến Tre (đưa tin);
- VP.HĐND và UBND thành phố (niêm yết);
- Đại biểu HĐND thành phố Bến Tre;
- TT.HĐND - UBND xã, phường;
- Chánh, phó VP HĐND và UBND TPBT;
- Lưu: VT, VP (02), TH (110).

CHỦ TỊCH



Võ Thanh Hồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ BẾN TRE NĂM 2020

(kèm theo Nghị quyết số: 02 /2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ KC đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2020		
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó:	
												Nguồn vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất
	TỔNG CỘNG								107.697	25.650	71.582	19.582	52.000
I	Dự án chuyển tiếp								47.603	25.650	13.064	13.064	
1	Quảng trường Trung tâm hành chính TP Bến Tre	xã Mỹ Thạnh An	Ban QLDA TP	7674854	341	11,555m ²	2018-2019	5114/QĐ-UBND 16/10/2017	11.512	10.250	1.047	1.047	
2	Trụ sở UBND Phường Phú Khương	P. Phú Khương		7751773	341	Cải tạo, xây dựng mới	2019-2020	3825/QĐ-UBND 31/10/2018	11.709	2.500	3.859	3.859	
3	Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố	xã Mỹ Thạnh An		7686412	341	1Trệt + 2 lầu	2018-2019	5151/QĐ-UBND 19/10/2017	17.386	10.900	3.508	3.508	
4	Trường Mầm non Sơn Ca	Phường 3		7763161	071	1 trệt, 2 lầu, 02 nhóm lớp	2019-2020	3800/QĐ-UBND 30/10/2018	6.996	2.000	4.650	4.650	
II	Dự án đầu tư mới								39.294	-	28.218	5.518	22.700
1	Trường Tiểu học Phú Nhuận: Xây dựng bếp ăn, nhà ăn bán trú	xã Phú Nhuận	Ban QLDA TP		072	1Trệt + 1 lầu	2020-2021	4730/QĐ-UBND 30/10/2019	6.250		3.018	3.018	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ KC đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2020		
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó:	
												Nguồn vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất
2	Trường Tiểu học Sơn Đông: Xây dựng bếp ăn, phòng ngủ bán trú	xã Sơn Đông	Ban QLDA TP		072	1Trệt + 2 lầu	2020-2021	4731/QĐ-UBND 30/10/2019	5.798		2.500	2.500	
3	Nâng cấp mở rộng lộ tổ 8, ấp 2, xã Phú Nhuận (tuyến đường du lịch)	xã Phú Nhuận			292	1.036m	2020-2021	4638/QĐ-UBND 22/10/2019	5.083		4.850		4.850
4	Đường ĐA 03 (Lộ Tổ 7 - Lộ liên ấp 2-3), đoạn còn lại từ cầu Ngang đến đường ĐA 04 (Lộ Chùa)	xã Phú Nhuận			292	181,8m	2020-2021	4640/QĐ-UBND 22/10/2019	2.372		2.250		2.250
5	Nâng cấp mở rộng đường ĐA 04 (Lộ Chùa), đoạn từ chùa Liên Hiệp đến đường ĐA 03	xã Phú Nhuận			292	217m	2020-2021	4654/QĐ-UBND 24/10/2019	957		910		910
6	Nâng cấp mở rộng đường ĐA 03 (Đường Bot), đoạn từ 19 tháng 5 đến cầu Năm Mỹ	xã Nhơn Thạnh			292	550m	2020-2021	4655/QĐ-UBND 24/10/2019	1.830		1.853		1.853
7	Đường ĐA 02 (Lộ liên ấp Mỹ An A - Mỹ An B), xã Mỹ Thạnh An	xã Mỹ Thạnh An			292	226m	2020-2021	4656/QĐ-UBND 25/10/2019	920		863		863
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐA 08 (Lộ trục ấp 3), đoạn từ đường ĐA 02 đến đường ĐH.173, xã Sơn Đông	xã Sơn Đông			292	304m	2020-2021	4657/QĐ-UBND 25/10/2019	1.345		1.360		1.360
9	Đường ĐA 03 (Đường từ ĐX 01 đến ranh xã Bình Phú), xã Mỹ Thành	xã Mỹ Thành			292	850m	2020-2021	4663/QĐ-UBND 28/10/2019	2.583		2.470		2.470

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ KC đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2020		
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó:	
												Nguồn vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐA 04 (Lộ 1B ấp Bình Thạnh),	xã Bình Phú	Ban QLDA TP		292	870,6m	2020-2021	4629/QĐ-UBND 21/10/2019	2.918		2.140		2.140
11	Nâng cấp, mở rộng lộ liên tổ 32, 6 ấp 2, xã Sơn Đông (giai đoạn 2)	xã Sơn Đông			292	520m	2020-2021	4632/QĐ-UBND 21/10/2019	3.000		2.620		2.620
12	Đường ĐA 06 (Đường liên ấp 2 - 4), xã Sơn Đông	xã Sơn Đông			292	1.495m	2020-2021	4664/QĐ-UBND 28/10/2019	6.238		3.384		3.384
III	Chuẩn bị đầu tư								-	-	9.500	1.000	8.500
1	Trường Mầm non Phú Khương	P. Phú Khương	Ban QLDA TP		071				-		500	500	
2	Trường Tiểu học Phú Khương	P. Phú Khương			072				-		500	500	
3	Đường N1 (theo quy hoạch)	P. Phú Khương			292				-		1.000		1.000
4	Đường N2 (theo quy hoạch)	P. Phú Khương			292				-		1.000		1.000
5	Đường N3, phường Phú Tân (giai đoạn 1)	P. Phú Tân			292				-		1.000		1.000
6	Đường N3 (Đại lộ Đồng Khởi đến đường Ngô Quyền nối dài)	P. Phú Khương			292				-		1.000		1.000
7	Đường N8 (theo quy hoạch đến đường N10)	P. Phú Tân			292				-		1.000		1.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ KC đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2020		
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó:	
												Nguồn vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất
8	Đường N9 (theo quy hoạch đến đường D7)	P. Phú Khương	Ban QLDA TP		292				-		1.000		1.000
9	Đường từ Đại lộ Đồng Khởi đến đường Nguyễn Huệ nối dài (đối diện hẻm Quảng Bạch)	P. Phú Khương			292				-		1.000		1.000
10	Đường N12 (đoạn từ Đại lộ Đồng Khởi đến đường Nguyễn Huệ)	P. Phú Khương			292				-		1.000		1.000
11	Đường Vành đai đoạn 3 (đường Huỳnh Tấn Phát đến lộ Ba Lai xã Phú Hưng)	xã Phú Hưng			292				-		500		500
IV	Phi công trình								20.800	-	20.800	-	20.800
1	10% kiểm kê, đo đạc, quy hoạch đất								5.200		5.200		5.200
2	30% kinh phí lập quỹ đất								15.600		15.600		15.600